

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2007/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 29 tháng 8 năm 2007

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ BẾN TRE

Số: 585/UB

ĐẾN Ngày: 05/19/07

Huyện:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý Nhà nước các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2003/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2003 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu Tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về Khoa học và Công nghệ ở địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại công văn số: 494/SKH-CN-QLKH ngày 22 tháng 8 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý Nhà nước các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu Khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị và các lực lượng làm công tác Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện quy chế này.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 3314/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 8 năm 2004 và Quyết định số 24/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu Khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Khởi (đăng và đưa tin);
- Đài phát thanh - Truyền hình (đưa tin);
- Phòng tiếp dân (để niêm yết);
- Nghiên cứu các khối;
- Lưu: VT.



Võ Thành Học

QUY CHẾ

Quản lý Nhà nước các chương trình, đề tài, dự án
nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Bến Tre
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2007/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 8 năm
2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. **Mục đích:** quản lý và hỗ trợ các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, hỗ trợ, khuyến khích việc triển khai áp dụng các thành tựu Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Bến Tre, góp phần thực hiện các mục tiêu, kế hoạch phát triển trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh.

2. **Phạm vi và đối tượng áp dụng:** Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động nghiên cứu triển khai, ứng dụng khoa học, công nghệ, sản xuất thực nghiệm trên địa bàn tỉnh Bến Tre, có đăng ký chương trình, đề tài, dự án tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền của tỉnh.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. **Khoa học** là hệ thống tri thức về các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy;

2. **Công nghệ** là tập hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ, phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm;

3. **Hoạt động Khoa học và Công nghệ** bao gồm nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, hoạt động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và các hoạt động khác nhằm phát triển Khoa học và Công nghệ;

4. **Nghiên cứu khoa học:** là hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật tự nhiên, xã hội và tư duy, sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng;

a) **Nghiên cứu cơ bản:** là những nghiên cứu nhằm phát hiện thuộc tính, cấu trúc, động thái của các sự vật, tương tác trong nội bộ sự vật và mối liên hệ sự vật với các sự vật khác.

b) *Nghiên cứu ứng dụng*: là sự vận dụng qui luật được phát hiện từ nghiên cứu cơ bản để giải thích một sự vật, tạo ra những nguyên lý mới về các giải pháp và áp dụng chúng vào sản xuất và đời sống.

5. ***Phát triển công nghệ***: là hoạt động nhằm tạo ra và hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới. Phát triển công nghệ bao gồm triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm:

a) *Triển khai thực nghiệm*: là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để làm thực nghiệm nhằm tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới;

b) *Sản xuất thử nghiệm*: là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

6. ***Đề tài nghiên cứu khoa học (đề tài)***: là một nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm phát hiện quy luật, mô tả, giải thích nguyên nhân vận động của sự vật, hiện tượng hoặc sáng tạo nguyên lý, những giải pháp, bí quyết, sáng chế,... được thể hiện dưới các hình thức: đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

7. ***Dự án sản xuất thử nghiệm (dự án SXTN)***: là nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống

8. ***Dự án khoa học và công nghệ (dự án KH&CN)***: Là nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ, bao gồm một số đề tài nghiên cứu khoa học và một số dự án sản xuất thử nghiệm gắn kết hữu cơ, đồng bộ được tiến hành trong một thời gian nhất định nhằm giải quyết các vấn đề Khoa học và Công nghệ chủ yếu phục vụ cho việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

9. ***Chương trình Khoa học và Công nghệ (chương trình)*** bao gồm một nhóm đề tài, dự án khoa học và công nghệ, được tập hợp theo một mục đích xác định nhằm thực hiện mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ cụ thể hoặc ứng dụng trong thực tiễn.

10. ***Đề tài nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ do doanh nghiệp thực hiện (đề tài DN)*** là đề tài nghiên cứu áp dụng nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết của doanh nghiệp: cải tiến thiết bị, hoàn thiện công nghệ, ứng dụng công nghệ mới, tạo sản phẩm mới góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

11. ***Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao theo phương thức tuyển chọn***: là nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ có nhiều tổ chức, tập thể, cá nhân có khả năng tham gia.

12. ***Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ được giao trực tiếp***: là nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc

phòng, một số nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp bách và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà nội dung chỉ có một tổ chức Khoa học và Công nghệ hoặc cá nhân có đủ điều kiện và chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ đó.

13. **Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài, dự án:** là sử dụng một phần kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (sự nghiệp khoa học, sự nghiệp ngành, sự nghiệp kinh tế...) để hỗ trợ các đề tài, dự án.

14. **Tổ chức chủ trì đề tài, dự án:** là đơn vị trực tiếp quản lý, thực hiện các nội dung của Chủ nhiệm đề tài, dự án và trực tiếp ký hợp đồng (hoặc được giao nhiệm vụ) tổ chức thực hiện đề tài, dự án với cơ quan quản lý.

15. **Cơ quan quản lý:** là cơ quan quản lý trực tiếp những vấn đề khoa học và công nghệ trong đó có đề tài, dự án, chương trình khoa học và công nghệ.

Điều 3. Thời gian thực hiện.

Thời gian thực hiện đề tài, dự án sản xuất thực nghiệm, dự án Khoa học và Công nghệ (gọi tắt là đề tài, dự án) không quá 24 tháng đối với trường hợp thông thường và không quá 36 tháng đối với một số lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, y tế ... Trường hợp đặc biệt khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 4. Điều kiện các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động Khoa học và Công nghệ

1. Các tổ chức, cơ quan (dưới đây gọi là tổ chức) có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực Khoa học và Công nghệ của đề tài, dự án đều có quyền đăng ký chủ trì đề tài, dự án. Mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ phù hợp với lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ của tổ chức.

2. Mỗi cá nhân chỉ được phép làm chủ nhiệm 01 đề tài, hoặc đồng thời chủ nhiệm 01 đề tài và 01 dự án, hoặc đồng thời chủ nhiệm 02 dự án cấp tỉnh trong năm kế hoạch. Mỗi đề tài, dự án chỉ có 01 chủ nhiệm. Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn đề tài, dự án (làm chủ nhiệm) phải có chuyên môn cùng lĩnh vực Khoa học và Công nghệ mà mình đăng ký (được đào tạo hoặc làm việc trên 03 năm trong lĩnh vực đó).

3. Các Tổ chức, cá nhân không tham gia tuyển chọn đề tài hoặc dự án mới khi chưa hoàn thành đúng thời hạn quyết toán, chưa nghiệm thu đề tài, dự án đã quá hạn, chưa hoàn trả kinh phí thu hồi của các dự án hoặc đề tài triển khai thực nghiệm trước đó. Trường hợp cần thiết sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cùng giấy cam kết thực hiện đúng các hợp đồng đã ký với thời gian xác định.

4. Đề tài, dự án có cùng nội dung nghiên cứu không được đăng ký ở nhiều nơi để nhận thêm kinh phí để nghiên cứu.

5. Đề tài, dự án được thực hiện thông qua ký kết hợp đồng.

6. Các đề tài, dự án xin hỗ trợ kinh phí nghiên cứu từ ngân sách tỉnh cũng được áp dụng theo Quy chế này.

Điều 5. Phân cấp quản lý và thẩm quyền phê duyệt đề tài, dự án

Tùy theo tính chất, quy mô, nội dung, nguồn vốn, tầm quan trọng, tính thiết thực, bức xúc và khả năng ứng dụng mở rộng của mỗi hoạt động nghiên cứu - triển khai Khoa học và Công nghệ mà phân thành 2 cấp quản lý như sau:

1. Cấp tỉnh:

a) Những hoạt động nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ có qui mô ứng dụng rộng, có tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đã được Hội đồng Khoa học Công nghệ tỉnh thông qua và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong kế hoạch hoạt động Khoa học và Công nghệ hàng năm (đối với các đề tài, dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp Khoa học và Công nghệ); những hoạt động nghiên cứu - triển khai đột xuất khác do thực tiễn đặt ra được, cơ quan quản lý Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung.

b) Thẩm quyền phê duyệt đối với các đề tài, dự án có mức đầu tư kinh phí từ ngân sách tỉnh trên 100 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học thì Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phê duyệt trên cơ sở tham mưu của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh, đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ và ký các văn bản tương ứng. Các đề tài, dự án có mức kinh phí dưới 100 triệu đồng giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ký quyết định phê duyệt.

2. Cấp ngành, huyện - thị và cơ sở

a) Những hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ góp phần giải quyết các yêu cầu bức xúc phục vụ phát triển trong phạm vi ngành hoặc huyện, thị được đặt ra xuất phát từ thực tiễn sản xuất, quản lý có nội dung và quy mô trung bình, kinh phí đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước cho một đề tài, dự án không quá 100 triệu đồng, được thống nhất của Hội đồng Khoa học và Công nghệ cùng cấp và ban lãnh đạo ngành hoặc Ủy ban nhân dân huyện, thị.

b) Các nhiệm vụ ứng dụng triển khai này được đầu tư bằng kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp ngành và vốn sự nghiệp kinh tế, nguồn khác của địa phương hàng năm. Giao thủ trưởng các sở, ngành và chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã quyết định phê duyệt theo trình tự, thủ tục quản lý đề tài, dự án.

3. Chế độ báo cáo

Hàng năm, các sở, ngành, huyện, thị có thực hiện đề tài, dự án có trách nhiệm báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ về danh mục, nội dung, kinh phí thực hiện và kết quả đạt được của việc nghiên cứu, triển khai đề tài, dự án để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời gian báo cáo chậm nhất vào cuối tháng 10 hàng năm.

Chương II

XÁC ĐỊNH DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN HÀNG NĂM CỦA TỈNH

Điều 6. Thời gian xác định danh mục đề tài, dự án

Việc xác định danh mục chương trình, đề tài, dự án và tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện chương trình, đề tài, dự án được tổ chức hàng năm.

Điều 7. Những cơ sở xác định chương trình, đề tài, dự án

Các chương trình, đề tài, dự án phải được xác định dựa trên các tiêu chí sau:

1. Việc xác định các chương trình, đề tài, dự án của tỉnh phải xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp thiết kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc của một vùng và liên vùng có ý nghĩa đối với sự phát triển của tỉnh.

2. Đề tài khoa học phải đảm bảo có giá trị Khoa học và Công nghệ, có tính mới, tính sáng tạo, tính tiên tiến về công nghệ và tính khả thi.

3. Kết quả nghiên cứu của đề tài có khả năng mở ra các hướng nghiên cứu mới và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống, hoặc có khả năng tư vấn cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đóng góp cho sự phát triển của vùng và quốc gia.

4. Dự án phải tập trung triển khai kết quả nghiên cứu của các chương trình ưu tiên, công nghệ ưu tiên và công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng, tạo ra qui trình công nghệ và sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

5. Phải có địa chỉ (tổ chức, cá nhân) ứng dụng, nhân rộng kết quả đề tài, dự án tạo ra.

Điều 8. Xác định danh mục Chương trình, đề tài, dự án

Hàng năm Sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai đến các cấp, các ngành, các doanh nghiệp, các tổ chức Khoa học và Công nghệ, các tập thể, cá nhân ở trong và ngoài tỉnh về việc đề xuất các chương trình, đề tài, dự án thực hiện trong năm kế hoạch. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục chương trình, đề tài, dự án cấp tỉnh được đề xuất từ các nguồn, lấy ý kiến các ngành và trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh thẩm duyệt danh mục chương trình, đề tài, dự án trọng điểm.

Trên cơ sở danh mục chương trình, đề tài, dự án được Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xác định, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh mục các chương trình, đề tài, dự án (trong đó xác định rõ về tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện các chương trình, đề tài, dự án và phương thức giao trực tiếp hoặc tuyển chọn).

Danh mục chương trình, đề tài, dự án phải được đăng ký vào tháng 2-3 của năm trước. Đối với danh mục chương trình, đề tài, dự án đầu tư từ nguồn kinh phí khác (sự nghiệp ngành, sự nghiệp kinh tế địa phương...) thì được các cấp có thẩm quyền phê duyệt riêng và cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì đề tài, dự án phải gửi danh mục đề tài, dự án được duyệt đó về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp chung vào tháng 10 hàng năm.

Điều 9. Thành lập Hội đồng xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ

1. Theo phân cấp và thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ để tư vấn trong việc xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ. Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ được giao tư vấn xác định nhiệm vụ.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng là phân tích, đánh giá, kiến nghị về mục tiêu, yêu cầu và kết quả dự kiến của chương trình, đề tài, dự án.

3. Quy chế hoạt động và phương thức làm việc của Hội đồng được thực hiện theo Quyết định số: 32 /2007/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Đối với các đề tài, dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung do yêu cầu đột xuất

1. Các đề tài, dự án phát sinh trong thực tế có tính cấp thiết, do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định, trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ (không thông qua Hội đồng xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ). Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện. Sau đó tổ chức lập Hội đồng xét duyệt đề cương cụ thể và cấp kinh phí thực hiện.

2. Tổng kinh phí của các đề tài, dự án bổ sung ngoài kế hoạch không vượt quá 10% tổng kinh phí được duyệt cho nghiên cứu khoa học hàng năm và kinh phí của mỗi loại đề tài, dự án loại này không vượt quá 200 triệu đồng từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ.

Chương III XÉT DUYỆT, THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 11. Xét duyệt thuyết minh và phê duyệt đề tài, dự án

1. Trường hợp giao trực tiếp

Căn cứ trên danh mục các đề tài, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ lập thủ tục xét duyệt đề tài, dự án qua các bước sau:

a) Chủ nhiệm đề tài, dự án xây dựng đề cương chi tiết theo mẫu do cơ quan quản lý ban hành. Các đề tài nghiên cứu ứng dụng cần có kế hoạch triển khai sau nghiệm thu.

b) Các tổ chức, cá nhân phải chứng minh năng lực chuyên môn của mình, cơ quan chủ trì đề tài, dự án phải có năng lực thực hiện đề tài, dự án về nhân sự và vật chất kỹ thuật, thiết bị ...

c) Cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ chuyên ngành để xét duyệt thuyết minh chi tiết đề tài, dự án theo phân cấp.

Hội đồng xét duyệt đề cương chi tiết đề tài, dự án có nhiệm vụ phân tích, đánh giá, kiến nghị về: giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của nội dung nghiên cứu, phương pháp triển khai và kết quả dự kiến sẽ đạt được, năng lực chuyên môn của chủ nhiệm và tổ chức chủ trì, tính hợp lý của dự toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án. Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ được giao tư vấn xét duyệt.

Quy chế hoạt động và phương thức làm việc của Hội đồng xét duyệt đề cương đề tài, dự án thực hiện theo Quyết định số: 34/2007/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trường hợp tuyển chọn

a) Căn cứ trên danh mục các đề tài, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ sẽ thông báo công khai trên các phương tiện thông tin để mời gọi các tổ chức, cá nhân có khả năng và điều kiện tham gia tuyển chọn thực hiện đề tài, dự án.

b) Các tổ chức cá nhân lập hồ sơ tham gia tuyển chọn theo mẫu hướng dẫn chung.

c) Cơ quan quản lý có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án. Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ được giao tư vấn tuyển chọn. Hội đồng tuyển chọn có nhiệm vụ tư vấn về tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Quy chế hoạt động và phương thức làm việc của Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân được thực hiện theo Quyết định số: /2007/QĐ-UBND, ngày tháng năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Sau khi tuyển chọn được tổ chức, cá nhân trúng tuyển thực hiện đề tài, dự án. Việc xét duyệt đề cương chi tiết đề tài, dự án được tiến hành bằng Hội đồng Khoa học và Công nghệ xét duyệt đề cương chi tiết đề tài, dự án. Thành phần Hội đồng xét duyệt đề cương chi tiết là Hội đồng tuyển chọn trước đó, nếu cần thiết thì mời thêm chuyên gia.

Điều 12. Thẩm định kinh phí đề tài, dự án

Sau khi đề tài, dự án được Hội đồng xét duyệt thông qua, chủ nhiệm đề tài, dự án bổ sung, chỉnh sửa đề cương theo góp ý và kết luận của Chủ tịch Hội đồng. Cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ, cơ quan tài chính cùng cấp và chủ nhiệm đề tài, dự án tiến hành thẩm định kinh phí thực hiện.

Kinh phí thực hiện phù hợp với định mức chi tiêu tài chính, mục tiêu, nội dung, khối lượng mà Hội đồng xét duyệt đã thông qua.

Điều 13. Quyết định cho phép triển khai thực hiện

Căn cứ đề cương chi tiết đã hoàn chỉnh và dự toán kinh phí đã được thẩm định, cơ quan quản lý cùng cấp ra quyết định cho phép triển khai nghiên cứu đề tài, dự án theo phân cấp quản lý tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 14. Ký kết hợp đồng hoặc Quyết định giao nhiệm vụ.

1. Đề tài, dự án có quyết định triển khai phải ký kết hợp đồng hoặc quyết định giao nhiệm vụ thực hiện giữa cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án theo quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng hoặc quyết định giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là cơ sở pháp lý chi phối quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan và là thành phần của hồ sơ quản lý tài chính, hồ sơ quản lý đối với đề tài, dự án được triển khai.

Chương IV

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, NGHIỆM THU ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

Điều 15. Chế độ báo cáo, kiểm tra kết quả thực hiện đề tài, dự án

1. *Chế độ báo cáo*: định kỳ 6 tháng và 01 năm (12 tháng) cơ quan và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án lập báo cáo về nội dung, tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, quản lý. Khi cần thiết cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ sẽ lập Hội đồng giám định có cùng thành phần như Hội đồng lúc xét duyệt (có thể thay đổi tùy theo điều kiện thực tế nhưng phải bảo đảm 1/2 tổng số thành viên hội đồng lúc xét duyệt có mặt trong hội đồng giám định).

Tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện đề tài, dự án theo yêu cầu của cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ và cơ quan cấp trên theo phân cấp quản lý.

2. *Công tác thanh tra, kiểm tra*: các tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án chịu sự thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về Khoa học và Công nghệ.

3. Trong quá trình thực hiện đề tài, dự án hoặc nghiệm thu từng giai đoạn, cơ quan quản lý, tổ chức chủ trì, đơn vị áp dụng, chủ nhiệm đề tài có quyền đề nghị cơ quan ra quyết định đình chỉ triển khai đề tài, dự án nếu xét thấy việc triển khai không còn hiệu quả hoặc đề nghị điều chỉnh nội dung, kinh phí thực hiện đề tài, dự án cho phù hợp với thực tế.

Điều 16. Điều chỉnh nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện

1. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án theo yêu cầu của công việc, được điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính. Mức điều chỉnh trong phạm vi tổng dự toán kinh phí của đề tài, dự án.

2. Trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của Chủ nhiệm đề tài, dự án, và cơ quan chủ trì. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp các ngành tổ chức xem xét, quyết định điều chỉnh các nội dung sau:

a) Mục tiêu, sản phẩm, tiến độ thực hiện đề tài, dự án;

b) Dự toán kinh phí của đề tài, dự án.

Quyết định điều chỉnh và các văn bản liên quan đến việc điều chỉnh là bộ phận của hợp đồng.

Điều 17. Chấm dứt hợp đồng

1. Trên cơ sở đề xuất của chủ nhiệm đề tài, dự án và tổ chức chủ trì, hoặc thông qua việc kiểm tra, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

a) Đề tài, dự án gặp các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... dẫn đến không thể hoàn thành;

b) Vi phạm hợp đồng: các điều kiện theo hợp đồng không được bảo đảm dẫn đến đề tài, dự án không có khả năng hoàn thành; Đề tài, dự án thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo hợp đồng đã ký kết; Kinh phí bị sử dụng sai mục đích;

c) Chủ nhiệm đề tài, dự án và tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức quản lý; hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu.

2. Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng, Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng theo các điều khoản của hợp đồng đã ký giữa các bên và theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

Điều 18. Nghiệm thu kết quả đề tài, dự án

1. Sau khi kết thúc đề tài, dự án phải tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện để đánh giá những kết quả đạt được về nội dung, tiến độ thực hiện, khối lượng công việc hoàn thành, chưa hoàn thành so với đề cương thuyết minh được duyệt và hợp đồng đã ký kết. Công tác nghiệm thu được tổ chức 2 cấp theo Quy định về đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án được thực hiện theo Quy định về đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số: 36/2007/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân tỉnh.

a) Đánh giá kết quả đề tài, dự án ở cấp cơ sở

- Thủ trưởng cơ quan chủ trì thực hiện đề tài, dự án thành lập Hội đồng và tiến hành tổ chức công việc nghiệm thu. Kết quả nghiệm thu được lập biên bản. Biên bản nghiệm thu và các hồ sơ có liên quan gửi về sở Khoa học và Công nghệ.

- Việc đánh giá cơ sở và phải được hoàn thành chậm nhất là 30 ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng. Hội đồng đánh giá cơ sở kết luận đánh giá kết quả đề tài, dự án theo hai mức “Đạt” hoặc “Không đạt”.

b) Đánh giá kết quả đề tài, dự án ở cấp tỉnh

- Sau khi hoàn tất phần nghiên cứu, triển khai đối với đề tài, dự án và được đánh giá kết quả ở cấp cơ sở “Đạt”, cơ quan quản lý đề tài, dự án sẽ tổ chức Hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành nghiệm thu. Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ được giao tư vấn nghiệm thu.

- Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm tiến hành đánh giá theo mục đích, yêu cầu, nội dung, kết quả, tiến độ ghi trong hợp đồng đã ký kết. Đề xuất hướng nghiên cứu tiếp tục và ứng dụng triển khai đề tài, dự án với các cấp có thẩm quyền.

- Khi cần thiết cơ quan quản lý đề xuất hoặc quyết định thành lập tổ chuyên gia thẩm định và giám định kết quả trước khi tổ chức Hội đồng nghiệm thu đánh giá.

+ Đối với kết quả hoặc sản phẩm Khoa học và Công nghệ có thể đo đếm được, phải lượng hóa chỉ tiêu trong hợp đồng nghiên cứu khoa học;

+ Đối với kết quả không thể đo đếm được, phải thuyết minh hiệu quả và kết quả cần đạt được để có thể làm căn cứ cho việc đánh giá nghiệm thu;

+ Số liệu đo, kiểm, thử nghiệm các mẫu sản phẩm Khoa học và Công nghệ phải đảm bảo tính chuẩn xác và độ tin cậy;

+ Đối với kết quả, sản phẩm Khoa học và Công nghệ đã đưa vào ứng dụng trong sản xuất và đời sống phải thu thập được ý kiến nhận xét của người sử dụng.

- Quy chế hoạt động và phương thức làm việc của Tổ chuyên gia thẩm định, Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả đề tài, dự án thực hiện theo Quyết định số: /2007/QĐ-UBND, ngày tháng năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Tiêu chuẩn đánh giá kết quả đề tài, dự án

Tiêu chuẩn đánh giá kết quả đề tài, dự án theo quy định về đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định về đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án nghiên cứu Khoa học và phát triển công

nghệ của tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số: 36/2007/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*** Đối với Đề tài nghiên cứu cơ bản khoa học tự nhiên và Đề tài khoa học xã hội và nhân văn.**

- *Phương pháp nghiên cứu của đề tài* (cách tiếp cận đề tài và việc sử dụng các phương pháp khoa học trong nghiên cứu, điều tra, khảo sát).

- *Giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu* (mức độ đạt mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và các yêu cầu về sản phẩm của đề tài đã cam kết trong hợp đồng, được thể hiện qua báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt và bản kiến nghị của đề tài, độ tin cậy, tính cập nhật, phong phú của hệ thống tài liệu đã sử dụng và các số liệu đã điều tra, thu thập, cái mới của kết quả nghiên cứu; tính sáng tạo, độc đáo của đề tài);

- *Giá trị thực tiễn của kết quả nghiên cứu* (cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách; Giải quyết những vấn đề của thực tiễn và đóng góp vào việc phát triển khoa học; Phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu, khả năng ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài vào thực tiễn);

- *Tổ chức và quản lý đề tài* (Về việc huy động nguồn vốn; tổ chức và quản lý đề tài; quyết toán).

*** Đối với đề tài khoa học và công nghệ.**

- *Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản kết quả nghiên cứu của đề tài so với hợp đồng* (tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của đề tài; về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ);

- *Giá trị khoa học của các kết quả Khoa học và công nghệ của đề tài* (Về tính mới, tính sáng tạo của đề tài; tình hình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài (bài báo, ấn phẩm) ...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn; có những thành tựu nổi bật khác liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của đề tài, thể hiện bằng những đóng góp cụ thể);

- *Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả Khoa học và Công nghệ* (chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác (có địa chỉ trích dẫn cụ thể); quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và triển vọng áp dụng; tình hình được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích; đánh giá về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội);

- *Tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của đề tài* (Về tổ chức và quản lý của đề tài; kết quả đào tạo và những đóng góp khác của đề tài; quyết toán).

*** Đối với dự án sản xuất thử nghiệm.**

- *Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm theo yêu cầu của hợp đồng* (mức độ hoàn thành khối lượng công việc cơ bản: tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm đã hoàn thành so với hợp đồng; về phương pháp nghiên cứu, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ);

- *Giá trị khoa học của các kết quả Khoa học và Công nghệ của dự án sản xuất thử nghiệm* (về tính mới, tính sáng tạo của kết quả nghiên cứu đã tạo ra; tình hình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài (bài báo, ấn phẩm, ...) ở các tạp chí có uy tín trong, ngoài nước và mức độ trích dẫn; về những thành tựu nổi bật khác liên quan trực tiếp đến kết quả nghiên cứu của dự án sản xuất thử nghiệm, thể hiện bằng những đóng góp cụ thể);

- *Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả Khoa học và công nghệ* (chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm nghiên cứu tương đương hoặc cao hơn chỉ tiêu của các sản phẩm tương tự khác; quy mô áp dụng kết quả nghiên cứu đã chứng minh được hiệu quả kinh tế và triển vọng áp dụng; tình hình được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích; về hiệu quả kinh tế và hiệu quả kinh tế - xã hội);

- *Tổ chức và quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của dự án sản xuất thử nghiệm* (về việc huy động nguồn vốn khác; tổ chức và quản lý; kết quả đào tạo và những đóng góp khác; quyết toán).

*** Dự án ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào nông nghiệp nông thôn.**

- *Mức độ thực hiện các mục tiêu Khoa học và Công nghệ*: nội dung, quy mô.

- *Phương pháp tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện.*

- *Hiệu quả kinh tế trực tiếp của dự án.*

- *Khả năng duy trì và phát triển của dự án.*

- *Quyết toán và thời gian thực hiện đúng hợp đồng.*

d) Hội đồng nghiệm thu quyết định theo kết quả tổng hợp phiếu chấm điểm của các thành viên trong Hội đồng xếp loại đề tài, dự án vào một trong 4 loại: xuất sắc; khá; đạt và không đạt.

e) Đối với những đề tài, dự án khác không dùng ngân sách nhà nước để nghiên cứu, nhưng muốn xác nhận sản phẩm khoa học thì cơ quan quản lý lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ cùng cấp đánh giá nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu.

Điều 19. Quyết định ghi nhận kết quả đề tài, dự án

Sau khi nghiệm thu và quyết toán kinh phí kết thúc, nếu được xếp loại từ “Đạt” yêu cầu trở lên thì được cơ quan quản lý cùng cấp quyết định ghi nhận kết quả nghiệm thu và chuyển giao cho đơn vị áp dụng.

Hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận nghiệm thu đề tài, dự án gồm: Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu, văn bản đề nghị của cơ quan quản lý đề tài, dự án, báo cáo khoa học đề tài, dự án và các văn bản liên quan khác.

Chương V
LƯU TRỮ, CHUYỂN GIAO VÀ ỨNG DỤNG
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 20. Lưu trữ kết quả đề tài, dự án

Cơ quan quản lý hồ sơ lưu trữ các đề tài, dự án đã được nghiệm thu đúng theo quy định, bao gồm:

- Báo cáo khoa học đã được tu chỉnh và được cơ quan quản lý công nhận;
- Các tài liệu khoa học có liên quan;
- Quyết định triển khai, quyết định công nhận và chuyển giao, phân công đơn vị áp dụng kết quả nghiên cứu, biên bản Hội đồng nghiệm thu;

Đối với đề tài, dự án thuộc diện bí mật được lưu trữ theo quy định bảo mật của Nhà nước.

Điều 21. Công bố kết quả

1. Đăng ký kết quả

Chủ nhiệm đề tài, dự án làm thủ tục đăng ký kết quả nghiên cứu tại cơ quan quản lý đề tài, dự án. Mục đích của việc đăng ký nhằm đảm bảo quyền lợi của tác giả công trình khoa học, phục vụ cho quản lý Khoa học và Công nghệ tránh trùng lặp nội dung đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu triển khai.

2. Trách nhiệm công bố

a) Với kết quả đã đánh giá nghiệm thu chính thức ghi với danh nghĩa đề tài được cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ quản lý, do tập thể tác giả và cơ quan quản lý cùng chịu trách nhiệm;

b) Với kết quả trung gian do tác giả đứng tên chịu trách nhiệm;

c) Nếu nội dung công bố ghi tên cá nhân tác giả thì người đứng tên hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điều 22. Ứng dụng kết quả nghiên cứu

1. Đơn vị ứng dụng có trách nhiệm tiếp nhận, xây dựng và báo cáo kế hoạch triển khai thực hiện cho cơ quan quản lý đề tài, dự án theo dõi quản lý. Định kỳ 06 tháng một lần trong năm đầu thực hiện, sau đó mỗi năm một lần trong vòng 03 năm kể từ khi tổ chức thực hiện áp dụng kết quả đề tài, dự án đơn vị áp dụng phải báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan quản lý. Trong báo cáo có đánh giá hiệu quả cũng như những khó khăn, vướng mắc để có biện pháp phối hợp giải quyết.

2. Tổ chức cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, sẽ được hưởng chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Việc phân chia lợi nhuận khi ứng dụng kết quả nghiên cứu được thỏa thuận cụ thể trong từng hợp đồng Khoa học và Công nghệ giữa các bên. Trong trường hợp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công

nghệ do ngân sách tỉnh đầu tư 100% thì việc phân chia lợi nhuận thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 23. Thành lập Ban chủ nhiệm chương trình.

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập Ban chủ nhiệm chương trình khoa học và Công nghệ của tỉnh.

Điều 24. Ban chủ nhiệm

1. Mỗi chương trình do 01 Ban chủ nhiệm quản lý. Mỗi Ban chủ nhiệm có từ 5 đến 7 thành viên bao gồm Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm, các Ủy viên và Ủy viên thư ký. Chủ nhiệm Chương trình là cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có uy tín khoa học, được tín nhiệm trong giới chuyên môn, có điều kiện đảm đương chỉ đạo chương trình. Các thành viên khác của Ban chủ nhiệm bao gồm các nhà khoa học, các nhà quản lý có chuyên môn phù hợp. Ủy viên thư ký là chuyên viên của Phòng Quản lý khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ. Ủy viên thư ký của Chương trình đảm bảo các thủ tục và chế độ cần thiết cho công tác quản lý của chương trình phù hợp với quy định của Nhà nước.

2. Thời gian hoạt động của Ban chủ nhiệm chương trình tương ứng theo quyết định phê duyệt tương ứng với thời hạn thực hiện chương trình.

Điều 25. Trách nhiệm của Ban chủ nhiệm chương trình

1. Các thành viên trong Ban chủ nhiệm chương trình có nhiệm vụ:

- Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh xây dựng mục tiêu và nội dung hoạt động của chương trình theo kế hoạch 05 năm và hàng năm gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức theo dõi tình hình thực hiện đề tài, dự án trong phạm vi chương trình, tham gia xét duyệt, giám định, nghiệm thu đề tài, dự án; giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ điều hành các hoạt động của chương trình.

- Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện chương trình, xây dựng báo cáo hàng năm và báo cáo 05 năm về kết quả thực hiện chương trình và tổ chức tổng kết hoạt động của chương trình.

- Ban Chủ nhiệm chương trình định kỳ họp quý, sáu tháng 01 lần. Các phiên họp bất thường của Ban chủ nhiệm do Chủ nhiệm chương trình triệu tập để giải quyết các vấn đề phát sinh đột xuất và đề xuất kiến nghị đối với việc quản lý của chương trình.

2. Chủ nhiệm chương trình triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban chủ nhiệm, chuẩn bị các nội dung, các vấn đề nêu ra thảo luận tại các phiên họp của Ban chủ nhiệm, xây dựng các báo cáo về tình hình hoạt động của chương trình hàng năm và 05 năm. Khi cần thiết Chủ nhiệm chương trình có

thể tổ chức họp mở rộng với sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà sản xuất - kinh doanh và đại diện các cơ quan quản lý có liên quan để đóng góp ý kiến cho việc xây dựng nhiệm vụ và triển khai chương trình.

3. Ủy viên thư ký giúp Chủ nhiệm chương trình chuẩn bị nội dung chương trình, điều kiện và phương tiện làm việc cho các kỳ họp và hoạt động của ban chủ nhiệm chương trình, ghi biên bản các kỳ họp, giúp chủ nhiệm chương trình tổng hợp và xây dựng các báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ của Ban chủ nhiệm chương trình.

4. Các thành viên trong Ban chủ nhiệm chương trình được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định hiện hành. Nguồn kinh phí hoạt động của Ban chủ nhiệm các chương trình do cơ quan quản lý thực hiện theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì đề tài, dự án

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện đầy đủ các điều cam kết trong hợp đồng. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện ...), nhân lực để hỗ trợ thực hiện đề tài, dự án;

2. Cấp kinh phí cho Chủ nhiệm đề tài, dự án theo đúng tiến độ và thực hiện quyết toán theo quy định; chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng kinh phí, vật tư, tài sản của đề tài, dự án theo nội dung và dự toán đã được phê duyệt;

3. Hỗ trợ Chủ nhiệm đề tài, dự án điều phối tiến độ triển khai thực hiện các nội dung nghiên cứu và nghiệp vụ quản lý kinh phí được cấp cho đề tài, dự án theo đúng chế độ tài chính - kế toán của Nhà nước;

4. Đánh giá thực hiện đề tài, dự án và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện hàng năm của đề tài, dự án;

5. Tổ chức Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở đối với các đề tài, dự án;

6. Nộp kinh phí thu hồi theo hợp đồng đã ký kết đối với đề tài, dự án;

7. Kết hợp với Ban chủ nhiệm đề tài, dự án tổ chức áp dụng kết quả Khoa học và Công nghệ tạo ra của đề tài, dự án vào sản xuất đời sống.

Điều 27. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ nhiệm đề tài, dự án

1. Chủ động thực hiện nội dung đề tài, dự án đã được phê duyệt;

2. Lập nhật ký theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện đề tài, dự án;

3. Chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện và việc sử dụng kinh phí của đề tài, dự án và những điều cam kết trong hợp đồng (theo 6 tháng và theo năm);

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng qui định;

5. Đảm bảo thực hiện đầy đủ khối lượng và chất lượng (thông số kỹ thuật) sản phẩm Khoa học và Công nghệ tạo ra, đảm bảo tính chính xác và độ

tin cậy cao trong quá trình đo lường, đánh giá thử nghiệm bằng những phương pháp và thiết bị thử nghiệm tiên tiến;

6. Đối với đề tài, dự án tạo ra kết quả, sản phẩm Khoa học và Công nghệ ứng dụng phải thu thập được ý kiến nhận xét của người sử dụng, nộp kinh phí thu hồi theo hợp đồng;

7. Chịu sự giám sát và kiểm tra tình hình thực hiện đề tài, dự án của Sở Khoa học và Công nghệ, Ban chủ nhiệm chương trình và cơ quan chủ trì;

8. Sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu, chậm nhất 06 tháng Chủ nhiệm đề tài, dự án phải có kế hoạch triển khai kết quả nghiên cứu vào đời sống sản xuất. Riêng các đề tài, dự án thực hiện theo điều 10 của quy chế này sau khi nghiệm thu phải được triển khai ứng dụng ngay vào các yêu cầu mục đích đặt ra.

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức xác định các đề tài, dự án và đề xuất danh mục các đề tài, dự án thực hiện hàng năm;

2. Tổ chức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án;

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong suốt quá trình triển khai thực hiện đề tài, dự án;

4. Kiểm tra, đôn đốc thực hiện các nội dung công việc chuyên môn của đề tài, dự án theo đề cương chi tiết được duyệt, đúng theo nội dung, tiến độ, kinh phí đăng ký;

5. Phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra, quyết toán kinh phí trong từng giai đoạn và khi kết thúc đề tài, dự án;

6. Tổ chức Hội đồng nghiệm thu, đánh giá chất lượng, mức độ thực hiện đề tài, dự án và thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học;

7. Lưu trữ đề tài, dự án đã nghiệm thu, thực hiện các quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ thông tin và bảo mật;

8. Tổ chức đoàn thanh tra các đề tài, dự án nếu thấy có dấu hiệu vi phạm. Trường hợp cần thiết có thể đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung, kinh phí hoặc đình chỉ triển khai khi thấy không còn đủ yếu tố đảm bảo sự thành công của đề tài, dự án;

9. Sở Khoa học và Công nghệ được ký kết hợp tác với các Sở Khoa học và Công nghệ trong toàn quốc để triển khai các đề tài, dự án phục vụ phát triển vùng, miền và cả nước trên nguyên tắc các bên cùng có lợi.

Điều 29. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành có liên quan trong việc xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung kế hoạch Khoa học và Công nghệ hàng năm của tỉnh.

- Cấp phát kinh phí kịp thời, đúng quy định cho các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, đề tài, dự án. Đồng thời, khi có thay đổi về nội dung có liên quan đến tài chính thì phải thông báo kịp thời cho cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án để thực hiện.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, thanh quyết toán kinh phí đã cấp cho các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, đề tài, dự án.

Chương VII QUẢN LÝ KINH PHÍ

Điều 30. Kinh phí

1. Kinh phí cho từng đề tài, dự án do các cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý quy định tại Điều 5 của quy chế này.

2. Kinh phí cho mỗi kỳ họp Hội đồng khoa học công nghệ tỉnh, hoạt động của Ban chủ nhiệm các chương trình. Hội đồng xác định danh mục đề tài, dự án hàng năm, được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh hoặc từ ngành hoặc nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ...

3. Kinh phí cho mỗi kỳ họp Hội đồng nghiệm thu từng giai đoạn, nghiệm thu đề tài, dự án do cơ quan quản lý chịu trách nhiệm chi và được tính vào chi phí của đề tài, dự án.

Điều 31. Sử dụng kinh phí

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân được giao chủ trì thực hiện đề tài, dự án phải chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ kế toán tài chính theo quy định của luật ngân sách Nhà nước; chế độ, định mức chi cho các đề tài, dự án theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 32. Cấp kinh phí

Sau khi chương trình, đề tài, dự án có quyết định triển khai, cơ quan quản lý có nhiệm vụ ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học hoặc Quyết định giao nhiệm vụ với tổ chức chủ trì, với Chủ nhiệm đề tài, dự án và chuyển kinh phí theo hợp đồng trong vòng 20 ngày, sau đó cấp theo kế hoạch quý hoặc 6 tháng tùy theo nội dung, khối lượng và kế hoạch được phê duyệt.

Nguyên tắc cấp phát kinh phí phải:

- Có kế hoạch dự trù kinh phí từng quý hoặc 6 tháng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Cấp kinh phí đợt tiếp theo phải có báo cáo tiến độ, nội dung thực hiện và quyết toán kinh phí cấp đợt trước với cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ.

Điều 33. Quyết toán kinh phí

Kinh phí đề tài, dự án được cấp cho mỗi giai đoạn phải được quyết toán với cơ quan quản lý theo 6 tháng và cuối năm và tuân thủ đúng các quy định về chi tiêu đối với các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ của Bộ Tài chính - Bộ khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 34. Nộp kinh phí thu hồi

1. Trong quá trình thực hiện đề tài, dự án, tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án phải chịu trách nhiệm nộp đầy đủ tiền thu hồi theo đúng quyết định phê duyệt đề tài, dự án của cấp có thẩm quyền về Sở Khoa học và Công nghệ để nộp vào tài khoản kho bạc Nhà nước tỉnh hoặc quỹ hỗ trợ phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh (nếu có); trường hợp cố tình vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

2. Việc xét miễn, giảm thu hồi cho các đề tài, dự án, do Thường trực Hội đồng Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính xem xét từng trường hợp cụ thể và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 35. Giao nộp sản phẩm

Đề tài, dự án sau khi nghiệm thu, chậm nhất là 15 ngày phải nộp toàn bộ kết quả nghiên cứu cho cơ quan quản lý và quyết toán, thanh lý hợp đồng.

Điều 36. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Đề tài, dự án được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau 30 ngày kể từ khi đề tài, dự án được ghi nhận kết quả. Đồng thời phải tiến hành kiểm kê, bàn giao các sản phẩm của và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đề tài, dự án theo hợp đồng đã ký giữa cơ quan quản lý Khoa học và Công nghệ và Chủ nhiệm đề tài, dự án theo các quy định hiện hành.

Điều 37. Kinh phí hỗ trợ

Những chương trình, đề tài, dự án chỉ nhận kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ khi mức kinh phí thực hiện dưới 50 triệu đồng. Sau khi nghiệm thu 01 năm phải chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các đơn vị khác hoặc công bố rộng rãi. Ngân sách tỉnh không hỗ trợ cho đơn vị quá 02 lần trong 03 năm.

Các đề tài, dự án được hỗ trợ kinh phí khi có một trong các điều kiện sau đây được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

- Tạo ra sản phẩm thử nghiệm;
- Tạo ra sản phẩm hàng hóa ở quy mô nhỏ mà tỉnh chưa sản xuất được;
- Tạo ra sản phẩm đạt yêu cầu xuất khẩu;
- Tạo ra sản phẩm có mức chất lượng cao hơn mức sản xuất hiện tại và giá thành sản phẩm thấp hơn hoặc bằng giá thành sản xuất hiện tại.

Điều 38. Chế độ hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ khi chuyển nhượng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của mình vào sản xuất và đời sống, được tạo điều kiện để quảng cáo, giới thiệu, trình diễn kết quả nghiên cứu và phát triển; tham gia hội chợ, triển lãm.

Điều 39. Phân chia lợi nhuận khi chuyển nhượng, chuyển giao kết quả nghiên cứu.

Lợi nhuận thu được khi chuyển nhượng, chuyển giao kết quả nghiên cứu (kinh phí ngân sách Nhà nước) được phân chia cho nhà khoa học tạo ra

kết quả, cho chủ sở hữu kết quả, cho tổ chức Khoa học và Công nghệ của nhà khoa học và cho người môi giới được hưởng theo qui định hiện hành.

Chương VIII KHEN THƯỞNG, XỬ PHẠT

Điều 40. Khen thưởng.

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ khen thưởng và hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện những công trình nghiên cứu Khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng vào thực tế, góp phần đem lại hiệu quả lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 41. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân thực hiện trái với quy định này hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

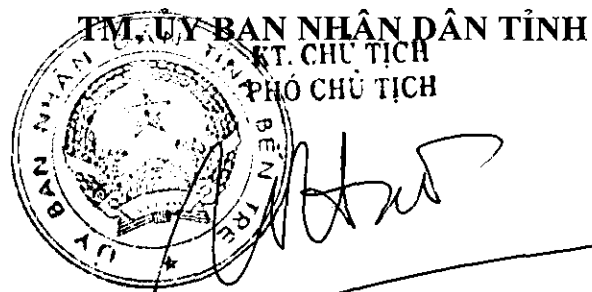
Điều 42.

Các đề tài, dự án còn đang triển khai thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thì vẫn được thực hiện theo quy chế quản lý Nhà nước các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 3314/2004/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cho đến khi nghiệm thu, kết thúc đề tài, dự án.

Quy chế này có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của quyết định ban hành.

Điều 43.

Trong quá trình áp dụng Quy chế, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển xã hội của tỉnh, trên cơ sở kiến nghị của Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức xã hội có liên quan./.



Võ Thành Học

